

## GỐM LÒ QUAN Ở VIỆT NAM

TS. PHẠM QUỐC QUÂN

**G**ốm lò Quan ở Việt Nam đã được đề cập tới đây đó trên một số bài viết, thông qua những cuộc khai quật ở Hải Dương, Lam Kinh và Hoàng thành Thăng Long, chủ yếu là gốm trắng vân in thời Lê sơ<sup>1</sup>. Tuy nhiên, gốm lò Quan không chỉ có vậy, nó đã manh nha từ thời Trần, kéo dài đến tận thời Nguyễn, dấu rằng, mô hình lò Quan như thế nào, khảo cổ học vẫn phải bó tay, cách tổ chức sản xuất và điều hành của triều đình đối với lò Quan ra sao, không có một dòng ghi chép nào của lịch sử thành văn, trong khi những ngành nghề thủ công khác của cung đình, ít nhiều còn thấy những thông tin. Với điều kiện và hoàn cảnh như trên, bằng tư liệu hiện vật có trong tay, tôi xin nêu ra quá trình phát triển của loại gốm đặc biệt này, để độc giả có thể hình dung được phần nào đó về đặc điểm, sự thăng trầm, mối quan hệ, sự tiếp biến, tầm ảnh hưởng... của gốm lò Quan qua các triều đại quân chủ Việt Nam trong lịch sử.

1. Gốm lò Quan ở Việt Nam được biết đến đầu tiên và sớm nhất là ở Thiên Trường (thành phố Nam Định ngày nay) thông qua những di vật, chủ yếu là loại đĩa men ngọc, nông lòng, tròn to, có ghi 4 chữ Hán "Thiên Trường phủ chế" bằng màu men rỉ sắt. Dấu tích lò không có, nhưng phế thải và chữ viết trên chế phẩm đã khẳng định Thiên Trường chí ít đã hình thành một trung tâm sản xuất gốm lò Quan. Đó cũng là sự gián tiếp phản ánh Thiên Trường là quê hương, là hành cung các triều đại vua nhà Trần, theo đó, mọi hoạt động ở đây không mấy thua kém Thăng Long, khiến cho triều đình đã xây dựng lò gốm để cung cấp cho hoàng cung Thăng

Long và hành cung Thiên Trường. Gốm Thiên Trường có nhiều tiêu bản mang phong cách gốm men ngọc thời Nguyên Trung Hoa, nhưng cũng tạo ra được những đặc trưng, khiến cho hai nhà nghiên cứu gốm sứ lừng danh John Stevenson và John Guy nhận ra rằng, những chiếc bát, âu có nắp, ấm quả dưa có múi và không múi..., được trang trí hoa văn chìm hoa dây, lá dương xỉ đều là sản phẩm gốm lò Quan Thiên Trường<sup>2</sup>. Nhận xét ấy của hai nhà nghiên cứu xem ra có cơ sở, khi tôi đã so sánh chúng với đồng loại ở những lò gốm khác, thấy ngay màu men ngọc xanh đều, xương gốm trắng mịn và mỏng, hoa văn tia tốt, sắc nét... chứng tỏ một sự gia công và công nghệ của những người thợ cung đình với yêu cầu khá khắt khe và chặt chẽ.

Điều đặc biệt, Nishino Noriko qua phân tích thư pháp của 6 tiêu bản gốm có chữ "Thiên Trường phủ chế", chị đã nhận ra, đây là sản phẩm do một người viết và người viết ấy có trình độ do cung đình cử về. Như vậy, thời gian tồn tại của loại gốm này đâu đó vào đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XIV, lúc Trần Anh Tông hoặc Trần Minh Tông đang ở cương vị Thượng hoàng<sup>3</sup>. Chắc đó không hẳn là thời gian tồn tại của gốm lò Quan Thiên Trường.

2. Sang thời Lê sơ, gốm lò Quan phát triển rầm rộ hơn qua các trung tâm ở xứ Đông (một phần Hải Dương ngày nay) như Cậy, Ngói, Hợp Lễ, Chu Đậu, thông qua những tiêu bản gốm men trắng vân in nổi chữ "Quan". Gần đây, gốm lò Quan còn tìm thấy ở Hoàng thành Thăng Long với chứng cứ vừa là nơi sản xuất, vừa là nơi tiêu dùng. Gốm lò Quan thời Lê sơ, cũng giống như hầu hết gốm lò Quan đương

thời ở các quốc gia lân bang như Trung Hoa, Hàn Quốc, đều có chất lượng cao, kỹ thuật và nghệ thuật tinh xảo, hoa văn trang trí mang tính cung đình và hoàng tộc rõ nét. Gốm lò Quan thời này không chỉ có gốm trắng vân in, còn có cả gốm men ngọc, gốm men trắng vẽ lam, với rất nhiều tiêu bản thể hiện đẳng cấp cao của sản phẩm, mà còn có mác hiệu viết trên những sản phẩm mà chiếc bình niên hiệu Thái Hòa, bình vôi niên hiệu Hồng Đức là những ví dụ điển hình.

Gốm lò Quan được hiểu là sản phẩm của lò Quan, những cũng được hiểu là đồ Quan dụng. Thời Lê sơ, với sự phân bố của chúng ở khu vực Hoàng thành Thăng Long, hay cố đô Lam Kinh được các nhà khảo cổ chứng minh khá rõ. Sự phát hiện tại chỗ các di vật, sự thống kê phân loại tỉ mỉ những bộ sưu tập được coi là đồ Quan dụng, đã cho hay, ở khu vực trung tâm Hoàng thành Thăng Long hay chính điện Lam Kinh, chất lượng đồ gốm sứ cao hơn hẳn ở cung Trường Lạc hay như ở Tả vu, Hữu vu, Đông thất, Tây thất<sup>4</sup>. Điều đó cũng nói lên rằng, sản phẩm gốm lò Quan có chất lượng không đồng đều. Dựa vào bộ sưu tập gốm trắng vân in tìm thấy ở những nơi tiêu thụ, có thể phân ra làm 4 loại: loại dùng cho vua, loại dùng cho hoàng tộc và thờ cúng liên quan đến cung đình, loại dùng để làm quà tặng cho các hoàng gia các nước láng giềng, và các công thần phẩm trật lớn, của hồi môn cho các công chúa gả cho các tù trưởng địa phương và loại được dùng cho quan lại trong các cung phủ quanh kinh thành. Đồ dùng cho vua thì đã rõ, với những đồ gốm mỏng, thấu quang, họa tiết rồng năm móng tìm thấy ở Hoàng Thành Thăng Long. Ở Lam Kinh gốm trắng vân in có chữ "Quan" được viết đề lên chữ Lam, chữ Kính, chữ Tiên, chữ Từ, chữ Bính bằng men lam, ít nhiều có liên quan tới chuyện thờ cúng ở đây, mỗi khi vua và hoàng tộc về bái yết Sơn Lãng. Gốm trắng vân in có chữ "Quan" còn tìm thấy ở Mường, ở tàu cổ cù lao Chàm, chắc chắn là loại thứ ba của gốm lò Quan và gốm Trường Lạc cung, Trường Lạc khố là loại thứ tư của loại hình sản phẩm này.

Sự phân biệt phẩm cấp gốm lò Quan triều Lê sơ cũng giống như triều Choson của vua Sejong Hàn Quốc, qua 139 lò sứ, 185 lò gốm vào quãng thời gian từ 1424 - 1432, người ta chia thành 3 nhóm: nhóm cao cấp, nhóm trung bình và nhóm

chất lượng thấp<sup>5</sup>.

Có một vấn đề đặt ra, sau phát hiện tàu cổ cù lao Chàm (Hội An - Quảng Nam)<sup>6</sup>, người ta hỏi rằng, gốm lò Quan thời Lê sơ có được sản xuất để xuất khẩu không?

Thông thường, nếu quản lý chặt chẽ, loại sản phẩm này chỉ dùng để làm quà biếu tặng. Nhưng, với những sản phẩm vô cùng cao cấp của men trắng vẽ lam, men trắng vẽ nhiều màu trên tàu cổ cù lao Chàm, tàu Panadan (Philippin), cùng với nhiều nơi khác ở Indonexia..., người ta không khỏi băn khoăn về điều này, khi không có một dòng ghi chép nào của Cục Bách Tác quy định những loại hình, hoa văn nào là sản phẩm cung đình mà gốm lò Quan đã sản xuất. Với cách quản lý thiếu chặt chẽ, rất có thể sản phẩm gốm lò Quan cũng trở thành mặt hàng xuất khẩu, khi nhu cầu của cung đình, hoàng gia không lớn. Ở Trung Quốc, Hàn Quốc, đặc biệt là những trung tâm gốm xa cung đình, vẫn có hiện tượng sản xuất lén lút hoặc nhái lại đồ cung đình để xuất khẩu.

Gốm xuất khẩu với những đơn đặt hàng của phương Tây có những dấu hiệu rất rõ ràng mà chúng ta đã thấy ở tàu cổ Hòn Cau (Bà Rịa - Vũng Tàu), tàu cổ Cà Mau, do người Trung Quốc thực hiện. Gốm Việt Nam không có đơn đặt hàng, hay có chăng, chỉ thấy một số hoa văn Hồi giáo của các quốc gia vùng Vịnh trên gốm Việt thế kỷ XV, nên sự phân định giữa gốm lò Quan và gốm xuất khẩu vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, tôi vẫn cứ ngỡ ngờ rằng, sự tranh thủ chính sách "bế môn" của nhà Minh khi ấy, cùng với sự quản lý lỏng lẻo của triều đình đối với các lò gốm Quan, tạo điều kiện cho một phần sản phẩm gốm lò Quan trở thành mặt hàng xuất khẩu. Phải chăng, lý do ấy, cùng với sự ngăn ngui của thời kỳ "bế quan tỏa cảng" đầu triều Minh, đã khiến cho gốm Đại Việt không có một dòng gốm xuất khẩu và sớm suy thoái do không đủ sức cạnh tranh?

3. Thời Mạc với sự tồn tại hơn nửa thế kỷ đã tạo dựng được một phong cách gốm riêng biệt<sup>7</sup>, nhưng gốm lò Quan vẫn còn là một ẩn số, chưa ai đề cập tới. Gốm quan dụng với tư cách là đồ dùng cung đình và hoàng gia, giống như thời Lê sơ, qua những cuộc khai quật ở Cột Hiền (Tiên Lãng - Hải Phòng) hay ở một số trung tâm sản xuất gốm Hải Dương, lớp văn hóa Mạc, chưa cho chúng ta một khái niệm

nào để có sự phân biệt gốm quan dụng và gốm dân dụng. Những đĩa, bát... ở Cộng Hiền phải chăng sản xuất để phục vụ cho Dương Kinh, khi địa điểm này cách Dương Kinh không xa.

Tuy nhiên, những chứng cứ gián tiếp của gốm lò Quan, với tư cách là đồ thờ tự sản xuất phục vụ cho cung đình, chúng ta đã thấy, qua những chân đèn, lư hương của trung tâm Bát Tràng (Hà Nội), những minh văn được khắc ghi: “Thuận An phủ... Đoan Thái nhị niên ngũ nguyệt sơ tam nhật tạo... Đại Bảo Đà Quốc Công Mạc Ngọc Liễu... Phúc Thành công chúa [người đặt] hay “Hoàng thượng vạn vạn tuế... nhị thập nhật, bát nguyệt, Đoan Thái tam niên [1588]”<sup>8</sup> đều có liên quan tới vua và hoàng tộc Mạc.

Tuy nhiên, trong số những chân đèn, lư hương có minh văn triều đại này, không chỉ được khắc ghi niên hiệu mà còn có nhiều nội dung liên quan đến tên tác giả, quê quán của họ, nơi sản xuất, tên những người đặt làm, cung tiến vào đình, đến, chùa, quán... Những nội dung ấy không mấy liên quan đến việc chỉ định gốm cung đình và hoàng tộc, thậm chí, theo chuẩn mực gốm lò Quan còn vi phạm rất nặng, khiến cho tôi vô cùng băn khoăn khi coi đây là gốm lò Quan. Mặc dầu vậy, những sản phẩm này với những chân đèn, lư hương tương tự như hai ví dụ trên, thấy không có sự khác biệt về phẩm cấp. Đặc biệt, hoa văn rồng dường như là một tiêu chí chỉ định cho chất cung đình của sản phẩm, mà ta đã thấy trên cặp chân đèn chùa Keo, có niên hiệu Diên Thành thứ 4 (1581), cặp chân đèn ở đình Mai Phúc, cũng niên hiệu ấy, năm thứ 7 (1584), cùng nhiều tiêu bản khác nữa có hình rồng, nhưng lại có tên tác giả và tên người đặt làm là phò mã, công chúa, tín thí hay các dòng họ Bùi, Phạm, Vũ, Nguyễn<sup>9</sup>, chẳng phải danh gia vọng tộc gì, nhưng có lòng thành tôn kính Thành hoàng, thần linh và sùng Phật. Như vậy, gốm lò Quan thời Mạc phục vụ tôn giáo, tín ngưỡng được đặt lên hàng đầu và chúng đều là đồ cung tiến cho những Quốc tự, cho những ngôi đình, đền, miếu, đạo quán quanh kinh thành - nơi mà vua và hoàng gia hay lui tới để thờ cúng.

Tuy nhiên, việc khắc ghi những tên người chế tác, người đặt làm... trên gốm lò Quan thời Mạc dường như là trường hợp duy nhất có trong lịch sử Việt Nam thời trung đại, và cũng là triều đại mở đầu trình làng một bộ di vật gốm không chịu ảnh

hưởng bất cứ loại gốm nào của các quốc gia lân bang, ngay cả với Trung Hoa láng giềng. Đó phải chăng là sự đề cao giá trị nhân bản, là sự tôn vinh những người thợ thủ công, những người có công đức với thần linh và cộng đồng, là quan niệm thoáng đạt của một triều đại xuất thân vùng biển “ăn sóng nói gió” ít nhiều gắn với thương mại, khiến cho mọi quy định nghiệt ngã, theo chuẩn mực của phong kiến tập quyền Khổng Nho đều bị bỏ qua, trong đó có quy định về gốm lò Quan? Cũng có thể, vẫn là sự nối tiếp của mô hình không lấy “Thiên triều” làm chuẩn mực của bao triều đại trước đó của quốc gia Đại Việt, hay là sự phiến phiến của một vương triều luôn trong tình trạng đối phó với mặt cảm nguy triều, dành sự chú tâm đến việc vun đắp quốc gia, lơ là xây dựng quy chế, chuẩn mực của các ngành nghề thủ công, trong đó có gốm lò Quan? Sẽ còn bao câu hỏi khác nữa sau bức màn của lịch sử gốm lò Quan thời đại này, cần được mở ra từ nhiều cách tiếp cận khác nhau, đang chờ các nhà nghiên cứu.

4. Thời Lê Trung hưng hay nói chính xác hơn, phải tính từ thời điểm năm 1593, khi chúa Trịnh Tùng được vua Lê phong tước Vương, bắt đầu thời kỳ cung vua - phủ chúa, thì dường như gốm lò Quan vẫn lấy Bát Tràng làm trung tâm. Trong 14 triều của thời Lê - Trịnh, tài liệu hiện vật cho chúng ta biết những đồ gốm có ghi niên hiệu: Hoàng Định, Vinh Tộ, Cảnh Trị, Vinh Thịnh, Vinh Hựu, Cảnh Hưng. Tất cả những tiêu bản trên, minh văn vẫn cho thấy sự phóng khoáng, tự do, tùy hứng như triều Mạc, nhưng cũng có những tiêu bản tương đối chuẩn mực “Cảnh Trị niên chế”, “Cảnh Hưng niên chế”. Cách ghi khắc niên hiệu này khá giống với gốm lò Quan Trung Quốc. Tuy nhiên, vẫn như là một tư duy không chịu khuất phục, một số tiêu bản được khắc niên hiệu theo lối tung hô, chúc tụng cho sự trường tồn của vương triều “Hoàng Định vạn vạn niên chi nhị” hay hao hao cách ghi, khắc trên bia và sắc phong “Cảnh Trị cửu niên tuế thứ Tân Hợi”, “Chính Hòa cửu niên tại Mậu Thìn nhị nguyệt”. Cách thể hiện niên hiệu như thế này không hề gặp trên đồ gốm sứ lò Quan Trung Hoa. Điều đó cũng là một trong những đặc trưng riêng biệt của gốm Việt Nam nói chung và gốm cung đình nói riêng trong tất cả các thời kỳ. Nhìn vào những tiêu bản gốm sứ có niên hiệu, ta thấy ngay những sản phẩm ấy được

dùng cho công việc tế tự trong cung đình với công năng chủ yếu là đồ thờ tự.

Thời vua Lê - chúa Trịnh, đồ gốm sứ cung đình, quan dụng còn có một dòng khác, đó là gốm ký kiểu từ Cảnh Đức Trấn Trung Hoa.

Cho đến nay, người ta đã nhận ra rất nhiều đồ sứ ký kiểu được đặt làm cho các phủ Chúa. Ví như Nội Phủ thị trung thời chúa Trịnh, có ba kiểu trang trí khác nhau: kiểu trang trí thứ nhất lấy đề tài Trung Hoa và Việt Nam, chuyên dành cho vua - chúa, với các đồ án "Long triều thọ", "Lưỡng long triều nhật". Kiểu trang trí này được sử dụng vào các đời chúa Trịnh Cương, Trịnh Giang và Trịnh Sâm. Kiểu trang trí thứ hai, chủ yếu vào thời Trịnh Sâm, lấy đề tài phong cảnh làm trọng. Kiểu trang trí thứ ba mang đậm chất dân gian Việt. Ngoài Nội Phủ thị trung còn Khánh xuân thị tả và Nội Phủ thị hữu, đều là các đồ tế tự trong chính cung miếu thờ các vị chúa từ thế tổ Trịnh Kiểm đến Tấn Quang vương Trịnh Bính<sup>10</sup>.

Như vậy, dẫu là đồ sứ ký kiểu, do Trung Hoa thực hiện, nhưng gốm Quan dụng Việt Nam cũng phải ghi nhận chúng như một hiện tượng của lịch sử, cho dù, chúng không phải là gốm lò Quan Việt Nam như đầu đề bài viết muốn hướng tới.

5. Như có một sự đứt đoạn khá rõ ràng về gốm lò Quan Việt Nam và đồ Quan dụng ký kiểu, triều Tây Sơn ngắn ngủi 24 năm với bao bộn bề cho công cuộc hưng vong đất nước, đối phó với chúa Nguyễn đang Trong, nên dường như Quang Trung, Quang Toản không hề tiếp nối phong cách đặt hàng ký kiểu của triều trước để lại, mà chủ yếu dùng đồ nội địa. Gốm lò Quan thời đại này để lại không nhiều, đầu đó chỉ vài ba tiêu bản, tôi đã thấy trong bảo tàng và trong các sưu tập tư nhân, nhưng điển hình nhất là chiếc bát có ghi ở đáy 4 chữ Hán "Quang Trung niên tạo". Từ chiếc bát này và từ thực tiễn hoàn cảnh đất nước rồi nhìn xuống triều Nguyễn sau này, lò Quan thời Tây Sơn vẫn lấy Bát Tràng làm trung tâm sản xuất.

Phong cách gốm lò Quan triều Nguyễn dường như là tiếp nối gốm thời Tây Sơn, vẫn lấy Bát Tràng làm nơi đặt lò Quan. Tuy nhiên, ngay từ ông vua đầu của triều Nguyễn, sự quan tâm tới đồ nội địa khá rõ ràng, chứng cứ là hàng loạt đồ gốm có ghi niên đại Gia Long hay Gia Long niên tạo được ra lò với những chuẩn mực tương đối khắt khe, vì

như màu vàng cung đình được thể hiện trên gốm, đề tài trang trí đậm chất dân gian và hoàng cung. Những minh văn kiểu như đồ gốm Mạc và Lê Trung hưng không còn nữa, cho dù vẫn có đôi ba dòng giải thích về lý do sản xuất và tích cổ trên đồ gốm. Tuy nhiên, vị vua đầu triều này vẫn còn ưa dùng đồ ký kiểu mà đã có giả thiết cho rằng, không ít đồ sử dụng trong cung vua, phủ chúa ở Thăng Long đã được đưa về Phú Xuân sử dụng. Và, chính Gia Long cũng đã đặt hàng, thông qua một chiếc ấm sứ có mác hiệu "Gia Long niên chế", mà tôi đã được thấy trong một bộ sưu tập của ông Nguyễn Hy Tùng tại thành phố Hồ Chí Minh. Hẳn đây là tiêu bản duy nhất còn lại đến hôm nay, nhưng chắc nó không phải là duy nhất trong lò hàng vua Gia Long đã đặt làm.

Đến các đời vua Nguyễn sau Gia Long, kể từ Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... gốm lò Quan ở Bát Tràng dường như không còn nữa, bằng chứng là không hề thấy bất cứ một niên hiệu nào có ghi trên gốm Bát Tràng, mà thay vào đó, những thợ gốm lò Quan Bát Tràng vẫn hồi ức về một thời kỳ vàng son, vẫn tự hào về một khả năng tài khéo của người thợ gốm cung đình, sản xuất ra nhiều đồ gốm có ghi niên hiệu các ông vua thời nhà Thanh Trung Hoa "Khang Hy niên chế", "Càn Long niên tạo" với một sự sao chép kiểu dáng và đề tài đặc Trưng Hoa. Tôi coi đó là một hiện tượng tàn dư gốm lò Quan triều Nguyễn nói riêng và Việt Nam nói chung.

Trong khi đó, sứ ký kiểu thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức rồi Khải Định, Bảo Đại sau này, không chỉ dùng hàng Trưng Hoa mà còn cả đồ Pháp, đồ Anh Quốc như là một sự thể hiện xa hoa của một vương triều phú quý, khiến cho gốm lò Quan đi đến cáo chung, nhưng không vì thế, gốm dân gian Việt Nam bị đình đốn, bằng cứ là sự xuất hiện nhiều trung tâm ngoài Bát Tràng như Phù Lãng, Hương Canh, Móng Cái, Lái Thiêu, Cây Mai như một sự khẳng định sự trường tồn của gốm Việt.

6. Gốm lò Quan - đồ gốm Quan dụng của Việt Nam rất khác Trưng Hoa với sự xuất hiện khá muộn màng, khi mà Trưng Hoa thời Tây Hán đã xuất hiện các công quan quản lý các ngành nghề thủ công, đến thời Tây Hán và Kim đã có cơ quan chuyên trách việc quản lý và giám sát với cái tên Cục giám quan, chuyên trách việc giám sát các quy định về nghi lễ trong sản xuất các sản phẩm

thờ cúng, quản lý trực tiếp việc sản xuất và nung gốm. Thời Lương và Bắc Tống cơ quan này có tên là Sứ liệu vụ, chịu trách nhiệm quản lý quá trình sản xuất gốm tại hàng loạt địa điểm lò khác nhau trong đất nước. Thời Nguyên đã hình thành ngay tại Cảnh Đức Trấn Sứ cục Phủ Lương, trực tiếp giao phó sản xuất đồ sứ. Thời Minh, thành lập một bộ phận riêng biệt ở Cảnh Đức Trấn để sản xuất sứ vào mục đích ưu tiên các cơ quan, chính quyền sử dụng và bộ phận này được biết với cái tên Quan Diêu<sup>11</sup>. Một trong những đặc thù của các lò Quan là giám sát về kích thước và hình dáng của gốm sứ được sản xuất, xây dựng những quy định về hệ thống ký tự của gốm lò Quan... Có thể nói, đến thời Minh thì hệ thống quản lý lò Quan đã được thiết lập rõ ràng và chuyên nghiệp.

Gốm lò Quan - đồ gốm Quan dụng Việt Nam không theo quy định và chuẩn mực có tính hệ thống, tiếp nối các thời đại như Trung Hoa, mà tùy thuộc và mỗi triều đại, tạo ra những đặc thù riêng biệt thông qua cách ứng xử riêng biệt, nhưng không vì thế mà không nhận ra những đặc điểm của gốm lò Quan Đại Việt, như một sự tự tôn về ngành nghề thủ công này trong dặm dài lịch sử, trong đó gốm lò Quan đã trình làng một bộ sưu tập khá phong phú và đồ sộ, khiến chúng ta phải ngưỡng mộ.

Xuất hiện muộn, không chịu ảnh hưởng tuyệt đối mà tiếp thu có sáng tạo như là một nét hăng xuyên của lịch sử gốm sứ Việt, để rồi gốm Việt Nam nói chung, gốm lò Quan Việt Nam nói riêng đã tạo nên một bản sắc mà chắc chắn bài viết trên đây chưa thể nói hết./.

P.Q.Q

#### Tài liệu dẫn:

1- Bùi Minh Trí, Nishimura Masanari, Đặng Đình Thế, Nguyễn Duy Cương, "Khai quật lần thứ 6 di chỉ gốm sứ Chu Đậu (Hải Dương)", in trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học Việt Nam năm 2002*, tr. 378 - 382;

- Tống Trung Tín, Hà Văn Cẩn, Nguyễn Văn Hùng, "Khai quật địa điểm Hậu Lâu năm 1998", *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2,

năm 2000, tr. 104 - 124;

- Tống Trung Tín, Trần Anh Dũng, Hà Văn Cẩn, Nguyễn Đăng Cường, Nguyễn Thị Đơn và Nguyễn Văn Hùng, "Một số loại hình gốm men ở kinh đô Thăng Long qua các đợt khai quật Đoàn Môn, Bắc Môn, Hậu Lâu", *Tạp chí Khảo cổ học*, số 4, năm 2000, tr. 5 - 26;

- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Khảo cổ học, *Hoàng thành Thăng Long*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006;

- Nguyễn Văn Đoàn, "Khu trung tâm di tích Lam Kinh Thanh Hóa", Luận án Tiến sĩ, *Tư liệu Bảo tàng Lịch sử Quốc gia*.

2- John Stenvenson - John Guy, *Vietnamese ceramic: A separate tradition*, Art Media Resources with a very, Press. 1997, tr. 238.

3- Nishino Noiriko, Phân tích gốm sứ "Thiên Trường phủ chế", *Những phát hiện mới về khảo cổ học Việt Nam năm 2001*, tr. 617 - 621.

4- Bùi Kim Đĩnh, "Gốm men trắng văn in ở di tích Lam Kinh Thanh Hóa", Luận văn Thạc sĩ, tr. 51, *Tư liệu Bảo tàng Nhân học*.

5- Eleganz und Verzicht Weibe, *Keramik in Koreaer Tosenon- Dynastie*, The Korean Organizing committee for the Guest of Honour at Frankfurt Book Fair 2005.

6- Phạm Quốc Quân - Tống Trung Tín, "Báo cáo kết quả khai quật khảo cổ học dưới nước tàu đắm cổ Cù lao Chàm (Quảng Nam)", *Tư liệu Bảo tàng Lịch sử Quốc gia*.

7- Phạm Quốc Quân, "Có một phong cách gốm sứ thời Mạc", *Kỷ yếu hội thảo khoa học vương triều Mạc trong lịch sử Việt Nam*, Hà Nội, 2010, tr. 300 - 303.

8- Phan Huy Lê - Nguyễn Đình Chiến - Nguyễn Quang Ngọc, *Gốm Bát Tràng thế kỷ XIV - XIX (Bat Trang Ceramic 14th - 19th Centuries)*, Hà Nội, 1995, tr. 42.

9- Phan Huy Lê - Nguyễn Đình Chiến - Nguyễn Quang Ngọc, *Gốm Bát Tràng thế kỷ XIV - XIX (Bat Trang Ceramic 14th - 19th Centuries)*, Hà Nội, 1995, đã dẫn tr. 45.

10- Philippe Trương, "Chính cung và đồ sứ Nội Phủ thị trung thời chúa Trịnh", *Tạp chí Cổ vật tinh hoa*, số 39, tr. 41.

- Philippe Trương "Đồ sứ tế tự hiệu đế Khánh Xuân thị tả và Nội Phủ thị hữu", *Tạp chí Cổ vật tinh hoa*, số 40, tr. 14.

11- <http://www.chinaheritageweb.org/Scholarship.php?Search tem = 004.wanggy. inc&issue = 004>.

(Ngày nhận bài: 16/9/2013; Ngày phản biện đánh giá: 18/10/2013; Ngày duyệt đăng bài: 28/11/2013).

#### Phạm Quốc Quân: Lò Quan Pottery in Vietnam

Reviewing the step of Lò Quan pottery that mostly serves the demand of royal court, high rank officials, religious purposes and rich people. The pottery is tightly controlled in shape, patterns etc and sometimes to export. There was independent awareness in Lò Quan pottery since 20th century backward.